

**SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TRƯỜNG SƠN**

GIÁO TRÌNH

MÔ ĐUN: CHẨN ĐOÁN VÀ BỆNH NỘI KHOA

NGHỀ: CHĂN NUÔI – THÚ Y

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 140/QĐ-TCTS ngày 02 tháng 08 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung Cấp Trường Sơn*

Đắk Lắk, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Chẩn đoán và bệnh nội khoa là giáo trình dùng nào tạo những kiến thức cơ bản về bệnh nội khoa cho sinh viên. Cũng có thể nó là tài liệu tham khảo hữu ích cho đào tạo sinh viên các trường trung cấp nghề trong phạm vi cả nước.

Trong quá trình biên soạn chúng tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ về tư liệu và những ý kiến đóng góp của các bạn đồng nghiệp gần xa.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những sự giúp đỡ quý báu đó, xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc về cuốn sách này.

Dù đã cố gắng nhiều song cuốn sách này chắc chắn vẫn còn những khiếm khuyết, chúng tôi rất mong nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các bạn để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn

Xin chân thành cảm ơn!.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: Th.S Nguyễn Đức Điện
2. Th.S Phạm Công Đức

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN.....	ii
LỜI GIỚI THIỆU	iii
MỤC LỤC	iv
GIÁO TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ BỆNH NỘI KHOA.....	1
Bài 1 ĐẠI CƯƠNG VỀ CHẨN ĐOÁN BỆNH.....	2
Mục tiêu:.....	2
Nội dung bài:	2
1. Khái niệm chẩn đoán	2
2. Phân loại chẩn đoán.....	2
2.1. Chẩn đoán lâm sàng.....	3
2.2. Chẩn đoán phi lâm sàng	3
Bài 2. CHẨN ĐOÁN BỆNH HỌC	5
Mục tiêu:.....	5
Nội dung bài học.....	5
1. Nguyên nhân gây bệnh cho gia súc	5
1.1. Nguyên nhân bên trong	5
1.2. Nguyên nhân bên ngoài	5
2. 2. Phương pháp chẩn đoán lâm sàng	6
2.1. Một số khái niệm liên quan đến bệnh.....	6
2.2. Các phương pháp chẩn đoán lâm sàng	7
3. Kết luận.....	9
Bài 3. PHƯƠNG PHÁP KHÁM BỆNH GIA SÚC	10
Mục tiêu:.....	10
Nội dung bài học.....	10
1. Khám toàn diện.....	10
1.1. Nhận dạng bệnh súc.....	10
1.2. Khám lông, da.....	10
1.3. Khám hạch lâm ba dưới da	11
1.4. Khám niêm mạc.....	11
2. Khám hệ tuần hoàn.....	12
2.1. Khám tim	12
2.2. Khám mạch.....	12
3. Khám hệ hô hấp.....	13
3.1. Khám mũi	13
3.2. Khám động tác hô hấp.....	13
3.3. Khám lồng ngực, phổi	14
4. Khám hệ tiêu hóa.....	14
4.1. Khám miệng	14
4.2. Khám họng, thực quản.....	15
4.3. Khám bụng, dạ dày, ruột	15
4.4. Khám phân.....	17
5. Khám hệ tiết niệu.....	17
5.1. Khám thận.....	17
5.2. Khám bàng quang.....	18

5.3. Khám nước tiểu	18
6. Khám hệ thần kinh.....	18
6.1. Khám hệ thần kinh trung ương.....	18
6.2. Khám hệ thần kinh thực vật.....	20
Bài 4 ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH NỘI KHOA	21
Mục tiêu:.....	21
Nội dung bài:	21
1. Giới thiệu về bệnh nội khoa	21
2. Điều trị học	21
2.1. Khái niệm điều trị	21
2.2. Nguyên tắc cơ bản trong điều trị học	21
2.3. Phương pháp điều trị	22
Bài 5 BỆNH Ở HỆ TUẦN HOÀN.....	24
Mục tiêu:.....	24
Nội dung Bài:.....	24
1. Bệnh viêm ngoại tâm mạc	24
1.1. Đặc điểm của bệnh	24
1.2. Nguyên nhân.....	24
1.3. Triệu chứng.....	24
1.4. Chẩn đoán	25
1.5. Điều trị bệnh	25
2. Bệnh viêm nội tâm.....	26
2.1. Đặc điểm của bệnh	26
2.2. Nguyên nhân.....	26
2.3. Triệu chứng.....	26
2.4. Chẩn đoán	27
2.5. Điều trị bệnh	27
3. Bệnh viêm cơ tim cấp tính.....	27
3.1. Đặc điểm của bệnh	27
3.2. Nguyên nhân.....	28
3.3. Triệu chứng.....	28
3.4. Chẩn đoán	29
3.5. Điều trị bệnh	29
4. Hội chứng bảu huyết.....	29
4.1. Đặc điểm của bệnh	29
4.2. Nguyên nhân.....	30
4.3. Triệu chứng.....	30
4.4. Điều trị bệnh	31
Bài 6 BỆNH Ở HÔ HẤP	32
Mục tiêu:.....	32
Nội dung Bài:.....	32
1. Bệnh viêm mũi cata	32
1.1. Đặc điểm của bệnh	32
1.2. Nguyên nhân.....	32
1.3. Triệu chứng.....	32
1.4. Điều trị bệnh	33

2. Bệnh viêm phế quản	33
2.1. Đặc điểm của bệnh	33
2.2. Nguyên nhân.....	33
2.3. Triệu chứng.....	34
2.4. Chẩn đoán.....	35
2.5. Điều trị bệnh	35
3. Bệnh xung huyết và phù phổi.....	36
3.1. Đặc điểm của bệnh	36
3.2. Nguyên nhân.....	36
3.3. Triệu chứng.....	37
3.4. Chẩn đoán	37
3.5. Điều trị bệnh	37
4. Bệnh viêm phổi thùy	38
4.1. Đặc điểm của bệnh	38
4.2. Nguyên nhân.....	38
4.3. Triệu chứng.....	38
4.4. Chẩn đoán	39
4.5. Điều trị bệnh	40
5. 5. Bệnh viêm màng phổi.....	40
5.1. Đặc điểm của bệnh	40
5.2. Nguyên nhân.....	41
5.3. Triệu chứng.....	41
5.4. Chẩn đoán	42
5.5. Điều trị bệnh	42
Bài 7. BỆNH Ở CƠ QUAN TIÊU HOÁ.....	44
Mục tiêu:	44
Nội dung bài học.....	44
1. Bệnh viêm miệng.....	44
1.1. Đặc điểm của bệnh	44
1.2. Nguyên nhân.....	44
1.3. Triệu chứng.....	44
1.4. Chẩn đoán	45
1.5. Điều trị bệnh	45
2. Bệnh tắc thực quản	46
2.1. Đặc điểm của bệnh	46
2.2. Nguyên nhân.....	46
2.3. Triệu chứng.....	46
2.4. Chẩn đoán	47
2.5. Điều trị bệnh	47
3. Bệnh chướng hơi dạ cỏ.....	48
3.1. Đặc điểm của bệnh	48
3.2. Nguyên nhân.....	48
3.3. Triệu chứng.....	48
3.4. Chẩn đoán	49
3.5. Điều trị bệnh	49
4. Bệnh bội thực dạ cỏ	50

4.1. Đặc điểm của bệnh	50
4.2. Nguyên nhân.....	50
4.3. Triệu chứng.....	50
4.4. Chẩn đoán	51
4.5. Điều trị bệnh	51
5. Chứng đau bệnh ngứa.....	52
5.1. Đặc điểm của bệnh	52
5.2. Chẩn đoán	52
5.3. Điều trị bệnh	53
6. Bệnh ngứa da lá sách	53
6.1. Đặc điểm của bệnh	53
6.2. Nguyên nhân.....	53
6.3. Triệu chứng.....	53
6.4. Chẩn đoán	54
6.5. Điều trị bệnh	54
7. Bệnh viêm dạ dày, ruột.....	54
7.1. Đặc điểm của bệnh	54
7.2. Nguyên nhân.....	54
7.3. Triệu chứng.....	55
7.4. Chẩn đoán	55
7.5. Điều trị bệnh	55
8. Hội chứng tiêu chảy.....	56
8.1. Đặc điểm của bệnh	56
8.2. Nguyên nhân.....	56
8.3. Triệu chứng.....	56
8.4. Chẩn đoán	56
8.5. Điều trị bệnh	56
9. Hội chứng táo bón	56
9.1. Đặc điểm của bệnh	56
9.2. Nguyên nhân.....	56
9.3. Triệu chứng.....	57
9.4. Chẩn đoán	58
9.5. Điều trị bệnh	58
10. Bệnh viêm phúc mạc	59
10.1. Đặc điểm của bệnh	59
10.2. Nguyên nhân.....	59
10.3. Triệu chứng.....	59
10.4. Chẩn đoán	60
10.5. Điều trị bệnh	60
11. Bệnh viêm gan thực thể cấp tính	60
11.1. Đặc điểm của bệnh	61
11.2. Nguyên nhân.....	61
11.3. Triệu chứng.....	61
11.4. Chẩn đoán	61
11.5. Điều trị bệnh	62
12. Hội chứng hoàng đản.....	63

12.1. Đặc điểm của bệnh	63
12.2. Nguyên nhân.....	63
12.3. Triệu chứng.....	63
12.4. Chẩn đoán	63
12.5. Điều trị bệnh.....	63
Bài 8. BỆNH Ở HỆ TIẾT NIỆU	64
Mục tiêu:	64
Nội dung Bài:	64
1. Bệnh viêm thận.....	64
1.1. Đặc điểm của bệnh	64
1.2. Nguyên nhân.....	64
1.3. Triệu chứng.....	65
1.4. Chẩn đoán	65
1.5. Điều trị bệnh	65
2. Bệnh viêm bàng quang	66
2.1. Đặc điểm của bệnh	66
2.2. Nguyên nhân.....	66
2.3. Triệu chứng.....	66
2.4. Điều trị bệnh	67
3. Bệnh viêm niệu đạo	67
3.1. Đặc điểm của bệnh	68
3.2. Nguyên nhân.....	68
3.3. Triệu chứng.....	68
3.4. Điều trị bệnh	68
Bài 9 BỆNH Ở HỆ THẦN KINH	70
Mục tiêu:	70
Nội dung bài	70
1. Bệnh cảm nắng, nóng	70
1.1. Đặc điểm của bệnh	70
1.2. Nguyên nhân.....	70
1.3. Triệu chứng.....	71
1.4. Chẩn đoán	71
1.5. Điều trị bệnh	71
2. Bệnh viêm màng não	72
2.1. Đặc điểm của bệnh	72
2.2. Nguyên nhân.....	72
2.3. Triệu chứng.....	73
2.4. Chẩn đoán	73
2.5. Điều trị bệnh	74
3. Chứng động kinh	74
3.1. Đặc điểm của bệnh	74
3.2. Nguyên nhân.....	74
3.3. Triệu chứng.....	74
3.4. Chẩn đoán	75
3.5. Điều trị bệnh	75
Bài 10. BỆNH VỀ DINH DƯỠNG VÀ TRAO ĐỔI CHẤT	77

Mục tiêu:.....	77
Nội dung bài học.....	77
1. Bệnh còi xương.....	77
1.1. Đặc điểm của bệnh	77
1.2. Nguyên nhân.....	77
1.3. Triệu chứng.....	77
1.4. Chẩn đoán	78
1.5. Điều trị bệnh	78
2. Bệnh mềm xương	78
2.1. Đặc điểm của bệnh	78
2.2. Nguyên nhân.....	78
2.3. Triệu chứng.....	79
2.4. Chẩn đoán	79
2.5. Điều trị bệnh	79
3. Hội chứng suy dinh dưỡng ở gia súc non.....	79
3.1. Đặc điểm của bệnh	79
3.2. Nguyên nhân.....	80
3.3. Triệu chứng.....	80
3.4. Chẩn đoán	80
3.5. Điều trị bệnh	80
Bài 11. Trúng độc	81
Mục tiêu:.....	81
Nội dung bài	81
1. Khái niệm ngộ độc.....	81
1.1. Định nghĩa	81
1.2. Nguồn gốc chất độc	81
1.3. Đường xâm nhập của chất độc vào cơ thể.....	81
2. Nguyên nhân ngộ độc	82
2.1. Thức ăn, nước uống nhiễm chất độc	82
2.2. Ngộ độc do thức ăn mất phẩm chất	82
2.3. Ngộ độc do dùng trái thuốc, quá liều	82
2.4. Ngộ độc chất độc từ trong cơ thể	83
3. Triệu chứng ngộ độc chung.....	83
4. Chẩn đoán ngộ độc	83
4.1. Tìm nguyên nhân	83
4.2. Chẩn đoán dựa vào triệu chứng	83
4.3. Mô khám.....	84
5. Phương pháp giải độc	84
5.1. Giải độc chung.....	84
5.2. Đưa chất độc ra ngoài cơ thể	84
5.3. Giải độc bằng thuốc tác động tương kỵ.....	85
6. Một số trường hợp ngộ độc ở gia súc.....	86
6.1. Ngộ độc sán	86
6.2. Ngộ độc hợp chất phospho hữu cơ	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

GIÁO TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ BỆNH NỘI KHOA

Tên mô đun: CHẨN ĐOÁN VÀ BỆNH NỘI KHOA

Mã mô đun: MĐ19

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ; (Lý thuyết: 23 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 50 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Môn học được bố trí giảng dạy sau các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung Chăn nuôi thú y.

- Tính chất: Là môn học chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu mô đun

** Về kiến thức:*

- Trình bày được nội dung về đại cương, chẩn đoán bệnh học, phương pháp khám bệnh gia súc, gia cầm.

- Phân tích được đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị bệnh ở các cơ quan, bộ máy trong cơ thể bệnh súc.

** Về kỹ năng:*

- Thực hiện được việc chẩn đoán, điều trị bệnh ở cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, tiết niệu, thần kinh và bệnh dinh dưỡng, trao đổi chất, trúng độc ở gia súc hiệu quả.

** Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm: :*

- Nghiêm túc, trung thực, an toàn, bảo đảm vệ sinh phòng dịch và môi trường.

- Nghiêm túc, có trách nhiệm với môn học.

- Chủ động trong quá trình học.

- Chuẩn bị các nội dung theo đề cương của học phần và theo yêu cầu của giảng viên.

Bài 1

ĐẠI CƯƠNG VỀ CHẨN ĐOÁN BỆNH

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại chẩn đoán bệnh cho gia súc, gia cầm.
- Xác định được các phương pháp chẩn đoán lâm sàng và phi lâm sàng.
- Nghiêm túc, trung thực, an toàn, bảo đảm vệ sinh phòng dịch và môi trường.

Nội dung bài:

1. Khái niệm chẩn đoán

Chẩn đoán học là một khoa học về khám và định bệnh. Nghiên cứu các phương pháp để tìm hiểu gia súc trước, trong và sau lúc mắc bệnh. Từ việc tìm hiểu nguyên nhân, phát hiện và thu thập triệu chứng, phân tích, tổng hợp các triệu chứng để đi đến kết luận chẩn đoán đúng bệnh

2. Phân loại chẩn đoán

Theo phương pháp, chẩn đoán được chia ra:

a. Chẩn đoán trực tiếp: căn cứ vào những triệu chứng chủ yếu để đi đến kết luận chẩn đoán. Ví dụ: căn cứ vào triệu chứng tiếng thổi tâm thu để kết luận bệnh hẹp lỗ van nhĩ thất. Thực hiện hình thức chẩn đoán này có kết quả chỉ khi nào có những triệu chứng đặc trưng, điển hình.

b. Chẩn đoán phân biệt: với triệu chứng phát hiện được trên con vật bị bệnh, liên hệ đến những bệnh thường có cùng triệu chứng, rồi loại dần những bệnh có điểm không phù hợp, cuối cùng còn lại một bệnh có nhiều khả năng nhất chính là bệnh gia súc đang mắc.

c. Chẩn đoán phải qua một thời gian theo dõi: có nhiều ca bệnh triệu chứng không điển hình. Sau khi khám không thể kết luận ngay được mà phải tiếp tục quan sát phát hiện thêm những triệu chứng mới từ đó có đủ căn cứ để kết luận chẩn đoán.

d. Căn cứ kết quả điều trị để chẩn đoán: có nhiều trường hợp hai bệnh có triệu chứng lâm sàng gần giống nhau, sau khi khám rất khó kết luận bệnh này hay bệnh khác. Cần điều trị một trong hai bệnh đó và theo kết quả mà rút ra kết luận chẩn đoán.

Theo thời gian, chẩn đoán có:

a. Chẩn đoán sớm: là chẩn đoán được kết luận ngay thời kỳ đầu của bệnh. Chẩn đoán được sớm rất có lợi cho điều trị và phòng bệnh.

b. Chẩn đoán muộn: Kết luận chẩn đoán vào cuối kỳ bệnh, thậm chí gia súc chết, mổ khám mới có kết luận chẩn đoán.

Theo mức độ chính xác, chẩn đoán chia ra:

a. Chẩn đoán sơ bộ: Là sau khi khám cần có kết luận chẩn đoán ngay để làm cơ sở cho điều trị. Chẩn đoán sơ bộ tức chẩn đoán chưa thật chính xác, cần tiếp tục theo dõi để bổ sung.

b. Chẩn đoán cuối cùng là kết luận chẩn đoán sau khi khám kỹ có những triệu chứng rất đặc trưng và qua kết quả điều trị. c. Chẩn đoán nghi vấn: đó là trường hợp thường thấy trong lâm sàng thú y khi gặp những ca bệnh mà triệu chứng không đặc trưng cho bệnh nào. Kết luận nghi vấn lưu ý cần phải theo dõi tiếp bệnh và kết quả điều trị để có kết luận chính xác hơn.

2.1. Chẩn đoán lâm sàng

2.1.1 Khái niệm về lâm sàng

Lâm sàng (tiếng Pháp: clinique, tiếng Anh: clinical, từ Hán-Việt: lâm là đến gần, vào một hoàn cảnh nào đó, sàng là cái giường nghĩa giường bệnh) là một tính từ y khoa, chỉ những gì liên quan đến, xảy ra ở giường của người bệnh, bệnh viện (lúc khám bệnh).

Tiếng Pháp, “clinique”, tiếng Anh “clinical” do từ Hy Lạp cổ "kline" là cái giường. Hippocrates (460-377 TTC), sinh ra ở đảo Kos, gần 100 năm sau khi Khổng tử ra đời, ông tổ ngành Tây Y tiên phong trong ngành chữa bệnh căn cứ trên quan sát người bệnh trực tiếp và lý luận trên cơ sở của những "triệu chứng" mà mình thấy, nghe, sờ và ngửi được

2.1.2 Phương pháp chẩn đoán lâm sàng

Bao gồm: quan sát (nhìn), sờ nắn, gõ và nghe. Nó được sử dụng để khám với tất cả các loại bệnh súc. Chỉ sau khi khám qua các phương pháp trên người bác sỹ thú y mới quyết định cần thiết các phương pháp tiếp để chẩn đoán bệnh.

2.2. Chẩn đoán phi lâm sàng

2.2.1 Khái niệm về phi lâm sàng

Là phương pháp chẩn đoán không thông qua quan sát, nắn, sờ, gõ, nghe mà thông qua kết quả của các máy đo, kết quả thí nghiệm

2.2.2 Phương pháp chẩn đoán phi lâm sàng

- + Chẩn đoán ELISA
- + Chẩn đoán kỹ thuật PCR
- + Chẩn đoán siêu âm
- + Chẩn đoán X-Quang

Câu hỏi ôn tập

1. Chẩn đoán là gì? Phân loại các loại chẩn đoán?
2. Chẩn đoán lâm sàng là gì? Phân tích động tác nghe trong chẩn đoán lâm sàng?

Bài 2.

CHẨN ĐOÁN BỆNH HỌC

Mục tiêu:

- Trình bày được nội dung về nguyên nhân gây bệnh và phương pháp chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm.
- Thực hiện được việc chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm bằng phương pháp lâm sàng theo yêu cầu kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trung thực, an toàn, bảo đảm vệ sinh phòng dịch và môi trường.

Nội dung bài học

1. Nguyên nhân gây bệnh cho gia súc

1.1. Nguyên nhân bên trong

Là những nguyên nhân xuất phát từ bản thân, tạo nên các trạng thái bệnh lý cho cơ thể gia súc: Tính di truyền: là một trong những nguyên nhân bên trong gây nên bệnh, cơ thể bố hay mẹ bị một loại bệnh, bị suy nhược, phải làm việc quá sức, bị hư hỏng bộ phận nào đó sẽ di truyền lại cho đời sau những cơ thể ốm yếu, dễ mắc bệnh như bệnh lao, bệnh đường hô hấp, lở loét ngoài da, hà móng...

Loài gia súc: cơ thể khác loài do tổ chức giải phẫu khác nhau nên có loài mắc bệnh này mà loài khác không mắc.

Giống gia súc: giống gia súc khác nhau thì khả năng mắc bệnh khác nhau. Bò Hà Lan nhập nội dễ nhiễm ký sinh trùng đường máu hơn bò nội.

Ngoài ra tính biệt đực, cái; tuổi gia súc, loại hình gia súc,... cũng là nguyên nhân bên trong dễ gây bệnh. Các nguyên nhân bên trong tự nó không có khả năng gây thành bệnh, chỉ có tác dụng làm giảm sức đề kháng của cơ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho các nguyên nhân bên ngoài xâm nhập và gây nên bệnh.

1.2. Nguyên nhân bên ngoài

Tác động cơ giới: các tác động cơ giới như: đánh đập, trượt ngã, chém, húc, đá, ... là những nguyên nhân gây nên tổn thương tổ chức (xây xát, chấn thương, vết thương,...) có thể tạo nên bệnh hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho vi trùng xâm nhập và gây bệnh.

Tác động vật lý: nhiệt độ, độ ẩm trong không khí cao hay thấp quá có thể gây nên những rối loạn cục bộ hay toàn thân hoặc gây rối loạn dinh dưỡng của các tổ chức, làm giảm sức đề kháng với bệnh. Các bệnh về đường hô hấp, đường tiêu hoá, điều tiết thân nhiệt,... chịu tác động của nguyên nhân này rất lớn.

Tác động hoá học: đây là những nguyên nhân gây bệnh thường xuyên cho cơ thể. Trong thức ăn, nước uống hay các sản phẩm của công, nông nghiệp có thể có chất độc gây nên những rối loạn ở hệ tiêu hoá và trên cơ thể, nếu nặng có thể gây chết gia súc.

Các khí độc từ chuồng nuôi, khu công nghiệp, bụi bẩn,... dễ gây nên các bệnh về đường hô hấp. Chất thải của các nhà máy, nước thải từ các công xưởng, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột v.v.. cơ thể hấp thụ phải sẽ bị ngộ độc. Thuốc trị bệnh dùng quá liều hay không đúng cách cũng có thể gây ngộ độc cho gia súc.

Tác động từ sinh vật học: các sinh vật sống ký sinh trên cơ thể gia súc như các nguyên sinh động vật, giun sán, côn trùng,... sống nhờ dinh dưỡng từ máu của ký chủ sẽ làm cho cơ thể suy yếu kiệt sức. Đồng thời chúng còn tiết ra chất độc đầu độc cơ thể và mang mầm bệnh truyền nhiễm làm lây lan từ cơ thể bệnh sang cơ thể khỏe.

Tác động do con người: việc nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, sử dụng của các chủ gia súc không đúng khoa học sẽ làm cho cơ thể vật nuôi suy yếu, làm giảm sức đề kháng, làm cho bệnh dễ xảy ra hơn hoặc trở nên trầm trọng hơn và thời gian bệnh kéo dài hơn.

Tác động từ điều kiện kinh tế xã hội: điều kiện kinh tế xã hội ở mức độ phát triển thì khoa học kỹ thuật về chăn nuôi thú y cũng phát triển. Từ đó các quy trình chăn nuôi, thú y đã nâng cao sức đề kháng cho cơ thể và chủ động phòng và điều trị bệnh. Do vậy, bảo vệ được đàn vật nuôi và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Nhiều nước tiên tiến trên thế giới đã không

2. 2. Phương pháp chẩn đoán lâm sàng

2.1. Một số khái niệm liên quan đến bệnh

Triệu chứng chính: là triệu chứng cục bộ, giúp ta nhận biết được bệnh đang xảy ra ở cơ quan hay bộ máy nào.

Triệu chứng phụ: chỉ nói lên con vật đang ốm, nó thường thuộc loại triệu chứng toàn thân như sốt, buồn bã, ủ rũ, bỏ ăn,..., là triệu chứng chung cho nhiều bệnh, khi bệnh càng nặng thì các biểu hiện này càng rõ.

Triệu chứng đặc thù: là triệu chứng riêng, có được các triệu chứng này là ta có thể chẩn đoán chính xác được bệnh. Thường rất ít bệnh có triệu chứng đặc thù.

Hội chứng Là triệu chứng chung xuất hiện ở nhiều loại bệnh và với nhiều biểu hiện khác nhau

2.2. Các phương pháp chẩn đoán lâm sàng

Quan sát - nhìn (Inspectio) Quan sát là phương pháp khám bệnh đầu tiên, đơn giản nhưng rất có hiệu quả cao. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong Thú y. Quan sát trạng thái gia súc, cách đi lại, tình trạng niêm mạc, da, lông và các triệu chứng bệnh. Quan sát để đánh giá chất lượng đàn gia súc tốt hay xấu, phát hiện những con bệnh hoặc con xấu trong đàn để điều trị hoặc loại thải. Quan sát để phát hiện những bộ phận nghi mắc bệnh trên cơ thể, trạng thái, phạm vi tổ chức bệnh v.v... Khi cần thiết phải dùng dụng cụ để quan sát. Tùy theo mục đích và vị trí cần quan sát mà đứng xa hay gần gia súc. Nên rèn luyện thành thói quen quan sát từ xa tới gần, từ tổng quát đến bộ phận. Người khám bắt đầu từ vị trí phía trước bên trái, cách gia súc khoảng 2-3 mét, rồi lùi dần về phía sau gia súc. Quan sát tinh thần gia súc, thể cốt, tình trạng dinh dưỡng v.v... sau đó đến lần lượt các bộ phận: đầu, cổ, lồng ngực, vùng bụng và bốn chân. Quan sát so sánh sự cân đối hai bên hông, hai thành bụng, ngực, các khớp chân hai bên, các bắp cơ hai bên thân... Lúc cần thiết cho gia súc đi vài bước để quan sát.

Sờ nắn (Palpatio) Người khám dùng tay sờ nắn vào cá bộ phận cơ thể gia súc bị bệnh để biết nhiệt độ, độ ẩm, độ cứng và độ mềm cảm của tổ chức cơ thể gia súc. Sờ nắn để bắt mạch, đo huyết áp, khám trực tràng là phương pháp thường dùng trong thú y. Sờ nắn phần nông như để biết nhiệt độ của da, lực căng của cơ. Sờ vùng tim để biết độ mềm cảm... Dùng đầu ngón tay ấn nhẹ từ phần này sang phần khác. Sờ sâu để khám các khí quan sâu. Ví dụ như sờ nắn dạ cỏ loài nhai lại để biết tính chất thức ăn trong dạ cỏ. Khi dạ cỏ bị bội thực, thức ăn trong dạ cỏ chắc như túi bột. Khi dạ cỏ bị chướng hơi sờ vào dạ cỏ như sờ vào quả bóng bơm căng. Sờ nắn tổ chức hay khí quan, tùy theo cảm giác ở tay có thể có những trạng thái sau:

- Dạng cứng như lúc sờ vào gan, cơ.
- Dạng rất cứng như sờ vào xương.

- Dạng ba động: sờ có cảm giác lùng nhùng, ấn mạnh vào giữa thì lồm xướng, có cảm giác như di động. Thường do tổ chức thâm đầy nước, đàn tính của tổ chức mất, như các tổ chức bị nung mủ, phù tích nước, vỡ mạch lâm ba.

- Dạng khí thũng: sờ vào tổ chức chứa đầy khí. Dùng tay ấn mạnh vào tổ chức kêu lép bép do khí lẩn vào tổ chức bên cạnh. Dạng khí thũng có thể do tổ chức có những túi khí hoặc các khí khác tích lại trong đó. Gặp trong bệnh ung khí thán của trâu, bò, lợn; bệnh vỡ vai trâu bò; bệnh phạm yên ở ngựa. Sờ nắn là một phương pháp đơn giản. Nếu nắm chắc vị trí giải phẫu, thực hiện phương pháp khám thành thạo thì kết quả thu được qua sờ nắn giúp ích nhiều trong chẩn đoán bệnh.

Gõ (Percussio) Các khí quan, tổ chức trong cơ thể động vật có cấu tạo về mặt giải phẫu và tổ chức khác nhau. Vì vậy khi gõ vào các cơ quan tổ chức đó âm hưởng thu được cũng khác nhau. Lúc có bệnh, tính chất của tổ chức thay đổi thì âm hưởng phát ra lúc gõ cũng thay đổi. Tùy theo thể vóc của gia súc to hay nhỏ, có thể gõ theo các cách sau: Gõ trực tiếp áp dụng cho gia súc nhỏ như chó, mèo và động vật cảnh. Các ngón của tay phải co lại và gõ theo hướng thẳng góc với bề mặt của tổ chức hay khí quan cần khám. Cách này, lực gõ không lớn, âm phát ra yếu. Gõ gián tiếp qua một vật trung gian áp dụng cho tiểu gia súc và đại gia súc. Có hai cách:

+ Gõ qua ngón tay: ngón giữa và ngón trỏ của tay trái đặt sát bề mặt của cơ thể, ngón giữa của tay phải gõ lên theo một góc vuông. Chú ý: tập gõ từ cổ tay, không gõ cả cánh tay. Gia súc nhỏ như chó, mèo, dê, cừu, thỏ...thì gõ theo cách này.

+ Gõ có búa và bản gõ (phiến gõ), tức là thay ngón tay gõ bằng búa và đệm bằng bản gõ. Phiến gõ bằng gỗ, sừng, nhựa hay kim loại; hình vuông, hình tròn dài; có loại cong hai đầu, thẳng ở giữa; có loại bẻ gấp khúc ở giữa 2 đầu thẳng, yêu cầu sao cho cầm dễ dàng, gõ thuận lợi.

Búa gõ nhẹ khoảng 60 – 70 g dùng để gõ tiểu gia súc; loại nặng 120-160 g để gõ gia súc lớn. Lúc gõ tay trái cầm bản gõ đặt sát bề mặt trên thân gia súc, tay phải cầm búa gõ; gõ hai cái một đều tay. Tùy theo tổ chức cần gõ rộng hay hẹp, nông hay sâu mà gõ mạnh hay yếu. Gõ mạnh có thể gây chấn động lan trên bề mặt cơ thể từ 4 – 6 cm; sâu đến 7 cm; gõ nhẹ chỉ gây chấn động lan 2 – 3 cm, sâu 4 cm. Khi gõ để chẩn đoán bệnh, nên để gia súc trong phòng rộng vừa phải, cửa đóng là thích hợp nhất. Để gia súc ngoài trời hay trong phòng quá bé thì âm gõ thu được không chính xác, hiệu quả chẩn đoán

bệnh thấp. Gia súc nhỏ để đứng, loại bé để nằm. Bàn gõ phải để sát bề mặt cơ thể, không để không khí lọt vào giữa làm âm gõ thay đổi. Bàn gõ và búa gõ phải thẳng góc với nhau để âm phát ra gọn và rõ.

Nghe (Ausaltatio)

Phương pháp nghe dùng để khám hoạt động của các khí quan trong cơ thể như tim, phổi, dạ dày, ruột v.v...để biết được hoạt động của các tổ chức trên. Có hai cách: Nghe trực tiếp Nghe trực tiếp tai đặt sát vào gia súc để nghe. Có thể phủ trước 1 miếng vải đen để tránh bẩn. Nghe phản trước thì mặt người khám quay về phía đầu gia súc, tay để lên sống lưng làm điểm tựa; nghe phản sau thì mặt người khám quay lại sau gia súc. Nghe gián tiếp đây là phương pháp được dùng phổ biến trong thú y. Nghe gián tiếp dùng các loại ống nghe. Loại ống nghe gong cứng, một loa nghe có ưu điểm là không làm thay đổi âm hưởng, không có tạp âm. Nhưng nhược điểm là không thuận tiện, độ phóng âm bé, hiện nay ít dùng. Loại ống nghe hai loa có độ phóng âm lớn, sử dụng thuận lợi hơn, hiện được dùng rộng rãi trong thú y. Nhược điểm của loại ống nghe này là làm thay đổi tính chất âm hưởng, dễ lẫn tạp âm. Chú ý: chỗ nghe trong nhà hoặc ngoài bãi chăn thả phải yên tĩnh, gia súc phải đứng im. Loa nghe đặt sát bề mặt thân gia súc để tránh tạp âm, có thể dùng khăn ướt chùi cho lông sát xuống để nghe được dễ dàng

3. Kết luận

Câu hỏi

1. Nguyên nhân bên trong gây bệnh gồm những nguyên nhân nào
2. Nêu một số khái niệm về bệnh trong chẩn đoán

Bài 3. PHƯƠNG PHÁP KHÁM BỆNH GIA SÚC

Mục tiêu:

- Trình bày được nội dung về khám bệnh gia súc, gia cầm.
- Thực hiện được việc khám bệnh gia súc, gia cầm đảm bảo an toàn và đúng kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trung thực, an toàn, bảo đảm vệ sinh phòng dịch và môi trường.

Nội dung bài học

1. Khám toàn diện

1.1. Nhận dạng bệnh súc

Nhận dạng là lập căn cước hay đăng ký bệnh súc để có hướng cho ta về một loại bệnh thường có hoặc đặc biệt có riêng cho từng loài gia súc, giống, tuổi vv...

Loài gia súc khác nhau thì cảm nhiễm bệnh cũng khác nhau. Do cấu tạo giải phẫu khác nhau mà có loài mắc bệnh này nhưng không mắc bệnh khác Ví dụ: Bò hay bị viêm dạ tổ ong, chướng hơi dạ cỏ. Ngựa hay bị đau bụng, rất mẫn cảm với cỏ bị mốc.

Giống gia súc khác nhau mắc bệnh cũng khác nhau. Bò Hà Lan nhập vào Việt Nam hay bị mắc bệnh ký sinh trùng hơn bò nội... Gia súc giống thuần phản ứng với bệnh tật mạnh hơn và triệu chứng rõ hơn gia súc giống lai.

Tuổi gia súc là một trong những đặc điểm cần chú ý khi chẩn đoán. Lợn con còn bú sữa bị tiêu chảy là do thức ăn không tiêu, từ 2 - 6 tháng tuổi thường do giun sán hay bệnh thương hàn.

Gia súc già thường bị suy nhược và mắc những bệnh mạn tính. Biết tuổi gia súc còn giúp bác sỹ thú y định liều lượng thuốc cho thích hợp.

Chăm sóc - sử dụng: gia súc tốt sẽ ít mắc bệnh, khi mắc bệnh chữa cũng mau khỏi. Hướng sử dụng gia súc cũng cần chú ý: gia súc đực giống hay mắc các bệnh về đường sinh dục, ngựa kéo hay bị bệnh phổi và bệnh đường ruột...

1.2. Khám lông, da

Lông da là tấm gương phản ánh sức khỏe của con vật và sự chăm sóc của chủ gia súc. Gia súc bị bệnh kiểm tra lông da có thể thấy những triệu chứng điển hình. Kiểm tra

về trạng thái da có thể có các biểu hiện sau Có nhiều mồ hôi do sốt cao, nhiễm trùng nặng, trong máu có nhiều thán khí, yếu tim, các bệnh làm cơ co và tăng nhiệt như động kinh, uốn ván, ... Mồ hôi ít hoặc không có do bệnh làm mất nước nhiều, bài tiết bị trở ngại. Nhiệt độ da cao hơn bình thường do: sốt cao, bệnh gây đau đớn kịch liệt; trời nắng nóng quá mức, da bị viêm cục bộ... Nhiệt độ da thấp: gặp trong bệnh xê tôn huyết, bại liệt, các bệnh gây rối loạn thần kinh, gia súc bị mất máu nhiều, suy tim. Da có mùi nước tiểu do vỡ bàng quang, urê niệu. Da có mùi Chloroforme gặp trong bệnh xê tôn huyết. Da có mùi thối do có những đám hoại tử trên da. Da bị khí thũng: khí tích lại ở dưới làm cho da bị phồng lên, dùng tay sờ nắn thấy lạo xạo, gặp trong trường hợp: da bị thương, rách thực quản, rách khí quản, khí lọt vào dưới da gây khí thũng, hoặc ở da có những ổ viêm hoại tử, bị nhiễm trùng lên men sinh hơi. Da bị thủy thũng: nước tụ lại dưới da làm cho da sưng dày lên, có thể thấy trong một số bệnh gây áp lực máu tăng cao như: viêm cơ tim, viêm bao tim, suy tim,... cũng có thể thấy thủy thũng do suy dinh dưỡng, suy thận, thiếu vitamin, viêm thần kinh, bệnh ký sinh trùng máu... Da bị nổi mẩn: trên da có những đám đỏ nổi trên da có thể thấy trong một số bệnh truyền nhiễm hay bị trúng độc.

1.3. Khám hạch lâm ba dưới da

Khám hạch lâm ba rất có ý nghĩa trong chẩn đoán bệnh truyền nhiễm như bệnh lao, ty thụ, lê dạng trùng, thay đổi của hạch lâm ba khá đặc biệt. Ở trâu, bò: khám hạch trước đùi, trước vai, dưới hàm, hạch trên vú, lúc bị lao có thể sờ thấy hạch cổ, hạch bên lỗ tai. Ở ngựa: khám hạch dưới hàm, hạch trước đùi, lúc có bệnh có thể sờ thấy hạch bên tai, hạch cổ và hạch trước vai. Đối với lợn, chó mèo chỉ có thể khám hạch trong bẹn

1.4. Khám niêm mạc

Niêm mạc nhợt nhạt: là triệu chứng thiếu máu, do lượng máu không đủ hoặc hàm lượng huyết sắc tố thiếu. Niêm mạc nhợt nhạt toàn đàn gia súc là do thiếu dinh dưỡng hay do bệnh ký sinh trùng. Niêm mạc nhợt nhạt cấp tính do thiếu máu cấp tính: do vỡ mạch máu lớn, vỡ gan, vỡ dạ dày... Niêm mạc đỏ ửng: mạch máu nhỏ ở niêm mạc xung huyết làm cho niêm mạc đỏ ửng; hoặc khi trời nóng bức, lao động nặng niêm mạc cũng đỏ ửng. Đỏ ửng cục bộ: thấy khi gia súc bị xung huyết não, viêm não, đầu bị ứ máu hay bệnh ở tim, phổi, gây rối loạn tuần hoàn. Đỏ ửng lan tràn: thấy trong hầu hết các bệnh truyền nhiễm cấp tính hoặc trong các bệnh gây rối loạn hô hấp nặng như viêm phổi,